

Đơn vị: Viện Hàn lâm KHCNVN  
Chương: 046

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐẾN HẾT NĂM 2023**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai NSNN đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ;

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách đến hết năm 2023 như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện đến hết năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	15.000,0	20.286,0	154,0%	137,1%
I	Số thu phí, lệ phí	15.000,0	23.100,2	154,0%	137,1%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	14.250,0	7.038,4	49,4%	186,0%
I	<i>Chi sự nghiệp văn hoá thông tin</i>	14.250,0	21.127,6	148,3%	186,0%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.250,0	21.127,6	148,3%	197,2%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	750,0	1155,00	154,0%	80,6%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.124.077,2	905.712,6	80,6%	81,4%
I	Nguồn ngân sách trong nước	969.937,2	817.172,6	84,3%	88,2%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	864.735,2	787.857,6	91,1%	88,1%
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	349.291,0	308.751,6	88,4%	96,9%
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	330.691,0	290.631,6	87,9%	91,2%
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	18.600,0	18.120,0	97,4%	98,0%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	283.698,9	282.579,0	99,6%	1657,0%
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	231.745,3	196.527,0	84,8%	42,2%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	75.602,0	62.628,0	82,8%	95,6%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	33.074,1	26.462,0	80,0%	155,2%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	42.528,0	36.166,0	85,0%	74,7%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện đến hết năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6	Chi hoạt động kinh tế	14.120,0	13.960,0	98,9%	107,3%
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.120,0	13.960,0	98,9%	107,3%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	6.950,0	6.890,0	99,1%	71,7%
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.950,0	6.890,0	99,1%	71,7%
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	8.530,0	8.465,0	99,2%	94,7%
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.530,0	8.465,0	99,2%	94,7%
II	Nguồn viện trợ	10.360,0	5.624,0	54,3%	54,0%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	10.360,0	5.624,0	54,3%	54,0%
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	143.780,0	82.916,0	57,7%	47,2%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	143.780,0	82.916,0	57,7%	47,2%

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch Viện Hàn lâm (để b/c);
- PCT. Lê Trường Giang (để b/c);
- Trưởng Ban KHTC (để b/c);
- TT Tin học và Tính toán  
(đăng Website)
- Lưu: VT, KHTC.NT6

*Chị*

Hà Nội, ngày 5 tháng 2 năm 2024

**TL. CHỦ TỊCH**

**KT. TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH**

**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Phan Thu Hà**